

Số: **46** /NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày **20** tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
**Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn
ngân sách Thành phố năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật; Công văn số 6842/BKHĐT-TH ngày 16/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2021 sang năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương và Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 21/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 08/4/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 14/04/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương thành phố Buôn Ma Thuột; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 14/04/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Thành phố năm 2022;

Sau khi xem xét Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 23/6/2022 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Thành phố năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 308/BC-HĐND ngày 19/07/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội; Ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành, thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Thành phố năm 2022, gồm những nội dung cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn điều chỉnh, bổ sung:

a) Nguồn vốn bổ sung kế hoạch vốn năm 2022 là 93.571 triệu đồng từ nguồn kết dư tiền sử dụng đất, gồm:

- Nguồn kết dư sử dụng đất 2020 trở về trước: 10.000 triệu đồng.
- Kế hoạch vốn hủy bỏ năm 2021: 35.463 triệu đồng.
- Dự phòng 2021 không sử dụng chuyển sang năm 2022: 48.108 triệu đồng.

b) Nguồn vốn điều chỉnh là 7.055 triệu đồng, gồm:

- Vốn điều chỉnh giảm kế hoạch là 4.200 triệu đồng đối với Dự án đường A Mí Đoan không thực hiện đầu tư và Hội trường Tổ dân phố 9, phường Tụ An chuyển sang năm 2023.

- Vốn dư sau khi các dự án quyết toán hoàn thành là 2.855 triệu đồng.

Như vậy, tổng nguồn vốn điều chỉnh, bổ sung kế hoạch năm 2022 để phân bổ thực hiện là 100.626 triệu đồng.

2. Phân bổ cho các dự án: số tiền 98.559 triệu đồng, gồm:

- 12 dự án đã hoàn thành, số tiền 10.759 triệu đồng.
- 01 dự án chuyển tiếp, số tiền 19.000 triệu đồng.
- 46 dự án chuẩn bị đầu tư (khởi công mới trong năm 2022 khi bảo đảm điều kiện và các dự án quy hoạch), số tiền 68.800 triệu đồng.

3. Tổng nguồn vốn kế hoạch năm 2022 từ nguồn thu tiền sử dụng đất chưa phân bổ sau khi điều chỉnh, bổ sung là 52.627 triệu đồng (*tăng thêm so với đầu năm là 2.067 triệu đồng sau khi điều chỉnh, bổ sung các nội dung nêu trên*), gồm:

- Dự phòng Kế hoạch đầu tư năm 2022 là 44.377 triệu đồng
- Dự phòng để bổ sung kế hoạch đối với một số dự án, công trình cần thiết khi bảo đảm điều kiện đầu tư: 8.250 triệu đồng.

(Theo phụ lục chi tiết đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan nêu cao vai trò giám sát đầu tư của cộng đồng, thực hiện theo chức năng được quy định tại Điều 74, 75 Luật Đầu tư công năm 2019.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột khóa XII, kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: *Cyc*

- Như điều 2;
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh (báo cáo);
- TT Thành ủy (báo cáo);
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- Các phòng: TC-KH, QLĐT, Tư pháp, TNMT;
- Ban QLDA ĐTXD TP;
- TT PTQĐ TP;
- VP HĐND và UBND TP;
- TT HĐND các phường, xã;
- Lưu: VT(60b).



CHỦ TỊCH

Từ Thái Giang

Phụ lục A:
NGUỒN VỐN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VÀ PHÂN BỐ KẾ HOẠCH NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số **46** /NQ-HĐND ngày **20** /7/2022 của HĐND thành phố Buôn Ma Thuột)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng nguồn vốn chưa phân bổ	Nguồn vốn dự kiến phân bổ	Nguồn vốn còn lại	Nguồn vốn còn lại sau khi điều chỉnh	Ghi chú
	Tổng cộng	151.186	98.559	52.627	52.627	
I	Nguồn vốn bổ sung kế hoạch năm 2022 từ nguồn kết dư sử dụng đất, gồm:	93.571	93.571	-		
1	Nguồn kết dư sử dụng đất 2020 trở về trước	10.000	10.000	-		
2	Vốn hủy bỏ năm 2021 (nguồn kết dư)	35.463	35.463	-		
3	Dự phòng 2021 không sử dụng chuyển sang 2022	48.108	48.108	-		
II	Nguồn vốn điều chỉnh kế hoạch năm 2022	7.055	4.988	2.067	-	Số chưa phân bổ 2.067 trđ chuyển về dự phòng chung KH năm 2022
1	Vốn điều chỉnh giảm KH 2022 (Dự án đường A Mí Đoan và Hội trường TDP 9 Tự An)	4.200	4.200	-		
2	Vốn dư năm 2022 sau khi các dự án quyết toán hoàn thành	2.855	788	2.067		
III	Nguồn vốn dự phòng năm 2022	50.560	-	50.560	52.627	
1	Dự phòng Kế hoạch đầu tư năm 2022	39.460		39.460	44.377	
2	Dự phòng để bổ sung kế hoạch đối với một số dự án, công trình cần thiết khi bảo đảm điều kiện đầu tư	8.250		8.250	8.250	
3	Dự phòng dự kiến phân bổ chi tiết các nội dung quy hoạch khi được phê duyệt nhiệm vụ	2.850		2.850		Số chưa phân bổ 2.850 trđ chuyển về dự phòng chung KH năm 2022

Phụ lục
CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
 (Kèm theo Nghị quyết số **46** /NQ-HĐND ngày **20**/7/2022 của HĐND thành phố Buôn Ma Thuột)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Tổng mức đầu tư		KH trung hạn 2021- 2025 vốn NSTP	Kế hoạch năm 2022 đã bố trí tiền sử dụng đất	Điều chỉnh giảm tiền sử dụng đất năm 2022	Bổ sung kế hoạch vốn			Kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
				Tổng cộng	Trong đó: NSTP				Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
										Tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn kết đư tiền sử dụng đất		Tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn kết đư tiền sử dụng đất	
	TỔNG CỘNG			1.489.338	1.465.908	770.989	17.060	(7.055)	98.559	4.988	93.571	108.564	14.993	93.571	
A	DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH			278.604	257.504	51.536	10.860	(2.855)	10.759	3.788	6.971	18.764	11.793	6.971	
I	Lĩnh vực giao thông			174.398	174.184	27.140	6.330	(2.287)	2.248	2.236	12	6.291	6.279	12	
1	Cửa xả số 4 và số 5 đường Y Wang, thành phố Buôn Ma Thuột	X. Ea Kao	Ban QLDA ĐTXD	2.920	2.920	1.400	200	(145)	-			55	55	-	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường Đinh Núp, phường Tân Lập	P. Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD	6.591	6.591	2.150	510	(132)	-			378	378	-	
3	Nâng cấp, sửa chữa đường Nguyễn An Ninh, phường Ea Tam	Phường Ea Tam	Ban QLDA ĐTXD	4.949	4.949	1.400			20	20		20	20	-	
4	Cải tạo đường hẻm 59 Nguyễn Viết Xuân	Phường Tân Thành	UBND P. Tân Thành	749	711	713	20		16	16		36	36	-	
5	Nâng cấp, sửa chữa đường Nơ Trang Gưh (đoạn từ Quang Trung đến Đình Công Tráng)	P. Tân Tiến	Ban QLDA ĐTXD	4.987	4.987	3.500	500	(379)	-			121	121	-	
6	Thăm nhựa các trục đường thành phố Buôn Ma Thuột (47 trục)	TP BMT	Ban QLDA ĐTXD	87.742	87.742	4.000	2.000		2.000	2.000		4.000	4.000	-	
7	Đường Tuệ Tĩnh (từ Lê Duẩn đến Mai Thị Lựu), phường Ea Tam	P. Ea Tam	Ban QLDA ĐTXD	11.768	11.768	4.400	950	(656)	-			294	294	-	
8	Nâng cấp, sửa chữa đường Phùng Hưng, phường Ea Tam	P. Ea Tam	Ban QLDA ĐTXD	9.446	9.446	2.000	300	(45)	-			255	255	-	
9	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Hữu Thấu	P. Tân Lợi	Ban QLDA ĐTXD	3.705	3.706	2.684	700	(406)	-			294	294	-	
10	Dự án Mở rộng nút giao bùng binh Km3, phường Tân Lập, TP. Buôn Ma Thuột	P. Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD	32.493	32.493	500	500	(374)	-			126	126	-	
11	Nâng cấp, sửa chữa đường Sầm Brâm, phường Ea Tam	P. Ea Tam	Ban QLDA ĐTXD	5.512	5.512	3.250	500		212	200	12	712	700	12	
12	Đường giao thông thôn 1KC, 3 KC và 11KC, xã Hòa Thuận	X. Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận	3.536	3.359	1.143	150	(150)	-			-	-	-	
II	Lĩnh vực thủy lợi			17.932	17.932	351	-	-	209	209	-	209	209	-	
1	Đập Dấprông - xã Cư Êbur	Xã Cư Êbur	UBND xã Cư Êbur	17.932	17.932	351			209	209		209	209	-	

ST T	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Tổng mức đầu tư		KH trung hạn 2021- 2025 vốn NSTP	Kế hoạch năm 2022 đã bố trí tiền sử dụng đất	Điều chỉnh giảm tiền sử dụng đất năm 2022	Bổ sung kế hoạch vốn			Kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
				Tổng cộng	Trong đó: NSTP				Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
										Tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn kết đư tiền sử dụng đất		Tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn kết đư tiền sử dụng đất	
III	Lĩnh vực giáo dục			27.120	26.118	12.886	4.240	(441)	1.283	1.283	-	5.082	5.082	-	
1	Nhà lớp học 08 phòng và Nhà bếp, nhà ăn bán trú 06 phòng trường TH Võ Thị Sáu	P. Tự An	Ban QLDA ĐTXD	6.089	6.089	1.406	400	(400)	-			-	-	-	
2	Nhà ăn, nhà ngủ bán trú trường TH Nguyễn Đức Cảnh	P. Tân Lợi	Ban QLDA ĐTXD	3.209	3.209	1.940	440	(41)	-			399	399	-	
3	Trường MN Thành Nhất (giai đoạn 2); HM Nhà lớp học 6 phòng, nhà bếp, hệ thống phòng cháy chữa cháy và HTKT	P. Thành Nhất	UBND P. Thành Nhất	7.800	7.800	4.100	2.400		700	700		3.100	3.100	-	
4	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh; Hạng mục: Nhà lớp học 10 phòng	Xã Hòa Thắng	UBND xã Hòa Thắng	5.600	5.040	5.040	1.000		500	500		1.500	1.500	-	
5	Nhà lớp học 08 phòng trường Tiểu học Tô Hiệu	Phường Ea Tam	UBND phường Ea Tam	4.422	3.980	400			83	83		83	83	-	
IV	Lĩnh vực quản lý Nhà nước			46.824	26.939	8.949	90	(38)	7.002	43	6.959	7.054	95	6.959	
1	Nâng cấp trụ sở làm việc liên cơ quan thành phố Buôn Ma Thuột	P. Thắng Lợi	UBND TP / Ban QLDA ĐTXD	39.770	19.885	6.500			6.500		6.500	6.500	-	6.500	
2	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Ea Tu, hạng mục: Nhà hội trường; cổng, tường rào	X. Ea Tu	UBND xã Ea Tu	5.216	5.216	459			459		459	459	-	459	
3	Cải tạo một số hạng mục tại Trụ sở UBND phường Tân Hòa	Phường Tân Hòa	UBND phường Tân Hòa	993	993	1.000	50		43	43		93	93	-	
4	Cải tạo hội trường Tổ dân phố 4a, 5 và nhà sinh hoạt cộng đồng buôn AkôĐhông, phường Tân Lợi	Phường Tân Lợi	UBND phường Tân Lợi	845	845	990	40	(38)	-			2	2	-	
V	Lĩnh vực khác			12.331	12.331	2.210	200	(89)	17	17	-	128	128	-	
1	Hoa viên khu dân cư Km4-5, phường Tân An	Phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD	7.013	7.013	1.310			17	17		17	17	-	
2	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè một số tuyến đường khu vực trung tâm thành phố	TP BMT	Ban QLDA ĐTXD	5.318	5.318	900	200	(89)	-			111	111	-	
B	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP			54.047	54.047	26.800	2.000	-	19.000	-	19.000	21.000	2.000	19.000	
I	Lĩnh vực giao thông			54.047	54.047	26.800	2.000	-	19.000	-	19.000	21.000	2.000	19.000	

ST T	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Tổng mức đầu tư		KH trung hạn 2021- 2025 vốn NSTP	Kế hoạch năm 2022 đã bố trí tiền sử dụng đất	Điều chỉnh giảm tiền sử dụng đất năm 2022	Bổ sung kế hoạch vốn			Kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
				Tổng cộng	Trong đó: NSTP				Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
										Tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn kết đư tiền sử dụng đất		Tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn kết đư tiền sử dụng đất	
1	Đường nối từ đường Hà Huy Tập đến Quốc lộ 14 (đường Nguyễn Chí Thanh), phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột	Phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD TP	54.047	54.047	26.800	2.000		19.000		19.000	21.000	2.000	19.000	
C	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ (khởi công mới trong năm 2022 khi bảo đảm điều kiện)			1.156.687	1.154.357	692.653	4.200	(4.200)	68.800	1.200	67.600	68.800	1.200	67.600	
I	Lĩnh vực giao thông			863.439	863.189	476.485	2.400	(2.400)	21.800	-	21.800	21.800	-	21.800	
1	Đường nối từ đường Y Ôn đến đường Đặng Thái Thân và hẻm 119 Mai Hắc Đế (Đường giao thông tại khu vực công viên Sơn La)	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	23.040	23.040	23.040			1.000		1.000	1.000	-	1.000	
2	Đường vào nghĩa trang Thành phố tại xã Hòa Khánh	Xã Hòa Khánh	Ban QLDA ĐTXD TP	34.547	34.547	34.547			1.500		1.500	1.500	-	1.500	
3	Đường Ama Jhao nối dài (từ đường Hùng Vương đến trục đường số 17 thuộc quy hoạch khu đô thị mới đôi Thủy văn và Trung tâm thể dục thể thao), phường Tân Lập	TP BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	262.704	262.704	140.000			3.000		3.000	3.000	-	3.000	
4	Nâng cấp, mở rộng đường 19 tháng 5 (Giai đoạn 1)	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	474.000	474.000	210.000			5.000		5.000	5.000	-	5.000	
5	Cải tạo một số trục đường trung tâm thành phố	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	3.223	3.223	3.223			1.000		1.000	1.000	-	1.000	
6	Cải tạo đường 10 tháng 3 và đường 30 tháng 4 thành phố Buôn Ma Thuột	TP.BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	9.500	9.500	9.500			2.900		2.900	2.900	-	2.900	
7	Sơn vạch kẻ đường các tuyến giao thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	TP.BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	13.775	13.775	13.775			4.100		4.100	4.100	-	4.100	
8	Cải tạo, nâng cấp đường AMí Đoàn, phường Tân Lập	Phường Tân Lập	UBND P. Tân Lập	5.000	4.750	4.750	2.400	(2.400)	-			-	-	-	
9	Sửa chữa, cải tạo đường từ QL26 đi Phường Tân An	Xã Ea Tu	UBND xã Ea Tu	6.150	6.150	6.150			1.800		1.800	1.800	-	1.800	
10	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính liên xã Hòa Xuân (từ trung tâm xã Hòa Xuân đến cầu CừĐluê giáp phường Khánh Xuân) - (giai đoạn 1)	Xã Hòa Xuân	UBND xã Hòa Xuân	31.500	31.500	31.500			1.500		1.500	1.500	-	1.500	
II	Lĩnh vực giáo dục			65.570	64.125	64.125	-	-	32.250	-	32.250	32.250	-	32.250	
1	Trường mầm non Thành Công; Hạng mục: Phòng làm việc, phòng chức năng, phòng họp, nhà bếp và hạ tầng kỹ thuật	Phường Thành Công	Ban QLDA ĐTXD	5.000	5.000	5.000			1.500		1.500	1.500	-	1.500	

ST T	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Tổng mức đầu tư		KH trung hạn 2021- 2025 vốn NSTP	Kế hoạch năm 2022 đã bố trí tiền sử dụng đất	Điều chỉnh giảm tiền sử dụng đất năm 2022	Bổ sung kế hoạch vốn			Kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
				Tổng cộng	Trong đó: NSTP				Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
										Tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn kết dư tiền sử dụng đất		Tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn kết dư tiền sử dụng đất	
2	Mở rộng Trường THCS Phạm Hồng Thái	phường Thắng Lợi	Ban QLDA ĐTXD TP	20.000	20.000	20.000			19.000		19.000	19.000	-	19.000	
3	Trường Tiểu học Y Jút; Hạng mục: Nhà lớp học 03 phòng, 02 phòng giáo viên và bếp ăn	Phường Tân Lập	UBND phường Tân Lập	5.300	5.100	5.100			1.500		1.500	1.500	-	1.500	
4	Trường TH Nguyễn Đức Cảnh; HM: Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 16 phòng.	Phường Tân Lợi	UBND phường Tân Lợi	2.890	2.745	2.745			850		850	850	-	850	
5	Trường Tiểu học Lê Văn Tám; Hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng và 02 phòng chức năng	Phường Tân Thành	UBND phường Tân Thành	6.000	5.800	5.800			1.700		1.700	1.700	-	1.700	
6	Trường TH Phan Chu Trinh; HM: Cải tạo các dãy nhà lớp học	Phường Thắng Lợi	UBND phường Thắng Lợi	3.980	3.980	3.980			1.200		1.200	1.200	-	1.200	
7	Trường Tiểu học Bế Văn Đàn; Hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng	Xã Cư Êbur	UBND xã Cư Êbur	4.400	4.200	4.200			1.300		1.300	1.300	-	1.300	
8	Trường Mầm non Hòa Khánh; Hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng	Xã Hòa Khánh	UBND xã Hòa Khánh	3.900	3.700	3.700			1.100		1.100	1.100	-	1.100	
9	Trường Tiểu học Phú Thái; Hạng mục: Nhà lớp học 10 phòng	Xã Hòa Phú	UBND xã Hòa Phú	6.600	6.300	6.300			1.900		1.900	1.900	-	1.900	
10	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh; HM: Cải tạo sửa chữa sân bê tông; tường rào	Xã Hòa Thắng	UBND xã Hòa Thắng	2.500	2.500	2.500			800		800	800	-	800	
11	Trường Tiểu học Lê Đại Hành; Hạng mục: Nhà lớp học 04 phòng và 04 phòng chức năng	Xã Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận	5.000	4.800	4.800			1.400		1.400	1.400	-	1.400	
III	Quản lý Nhà nước			21.618	20.983	20.983	1.800	(1.800)	5.000	1.200	3.800	5.000	1.200	3.800	
1	Hệ thống cấp nước và hạ tầng cơ sở phục vụ thể dục thể thao nâng cao thể lực cho chiến sỹ tại khu vực ST-01, xã Ea Kao	xã Ea Kao	Ban CHQS thành phố	600	600	600			300	300		300	300	-	
2	Thao trường huấn luyện và hệ thống cấp nước tại thao trường 559, xã Cư Êbur	xã Cư Êbur	Ban CHQS thành phố	2.500	2.500	2.500			800		800	800	-	800	
3	Cải tạo một số hạng mục tại Trụ sở làm việc 27 Trường Chinh	Phường Tân Lợi	Ban QLDA ĐTXD	1.250	1.250	1.250			400		400	400	-	400	
4	Xây dựng Trung tâm Điều hành Giám sát Camera tập trung thành phố Buôn Ma Thuột	TP.BMT	Công An thành phố	4.300	4.300	4.300			900		900	900	-	900	
5	Hội trường tổ dân phố 7 phường Tự An	Phường Tự An	UBND P. Tự An	1.500	1.425	1.425			400	400		400	400	-	

ST T	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Tổng mức đầu tư		KH trung hạn 2021- 2025 vốn NSTP	Kế hoạch năm 2022 đã bố trí tiền sử dụng đất	Điều chỉnh giảm tiền sử dụng đất năm 2022	Bổ sung kế hoạch vốn			Kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
				Tổng cộng	Trong đó: NSTP				Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
										Tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn kết đư tiền sử dụng đất		Tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn kết đư tiền sử dụng đất	
6	Cải tạo Hội trường UBND phường Tân Lập	Phường Tân Lập	UBND phường Tân Lập	1.100	1.100	1.100			300	300		300	300	-	
7	Hội trường Tổ dân phố 4, phường Thăng Lợi	Phường Thăng Lợi	UBND phường Thăng Lợi	1.200	1.140	1.140			300	200	100	300	200	100	
8	Hội trường Tổ dân phố 9, phường Tự An	Phường Tự An	UBND phường Tự An	4.097	3.597	3.597	1.800	(1.800)	-			-	-	-	
9	Nhà làm việc một cửa, các bộ phận chuyên môn và Đội thuế xã Hòa Phú	Xã Hòa Phú	UBND xã Hòa Phú	2.511	2.511	2.511			800		800	800	-	800	
10	Cải tạo trụ sở làm việc UBND xã Hòa Xuân	Xã Hòa Xuân	UBND xã Hòa Xuân	2.560	2.560	2.560			800		800	800	-	800	
IV	Lĩnh vực khác			190.490	190.490	115.490	-	-	4.800	-	4.800	4.800	-	4.800	
1	Tiểu hoa viên cây xanh khu tái định cư N7.5- N7.24, phường Thành Nhất	Phường Thành Nhất	Ban QLDA ĐTXD	2.000	2.000	2.000			600		600	600	-	600	
2	Xây dựng khung chính trang giàn hoa giấy trên dải phân cách đường 10 tháng 3 và đường 30 tháng 4	TP.BMT	Ban QLDA ĐTXD TP	5.932	5.932	5.932			1.800		1.800	1.800	-	1.800	
3	Cổng chào phía Tây Thành phố Buôn Ma Thuột (thành phố Buôn Ma Thuột đi huyện Buôn Đôn)	Phường Thành Nhất	Ban QLDA ĐTXD	5.558	5.558	5.558			400		400	400	-	400	
4	Nghĩa trang thành phố tại xã Hòa Khánh (Giai đoạn 1)	Xã Hòa Khánh	Ban QLDA ĐTXD TP	177.000	177.000	102.000			2.000		2.000	2.000	-	2.000	
V	Lĩnh vực quy hoạch			15.570	15.570	15.570	-	-	4.950	-	4.950	4.950	-	4.950	
1	Khảo sát, đánh giá hiện trạng và cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước tuyến suối Ea Nao - Ea Tam (từ Hồ cầu Đồng Xanh, xã Ea Tu đến đường Phùng Hưng, phường Ea Tam)	TP BMT	Ban QLDA ĐTXD	2.900	2.900	2.900			850		850	850	-	850	
2	QHCT Khu dân cư C5-C6-C7, thuộc QH Km7 phường Tân Hòa, TP. Buôn Ma Thuột	Phường Tân Hòa	Ban QLDA ĐTXD	580	580	580			150		150	150	-	150	
3	Điều chỉnh QHCT tỷ lệ 1/500 thửa số 77, tờ bản đồ số 38, tổ dân phố 2, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột	Phường Thành Nhất	Ban QLDA ĐTXD	60	60	60			60		60	60	-	60	

ST T	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Tổng mức đầu tư		KH trung hạn 2021- 2025 vốn NSTP	Kế hoạch năm 2022 đã bố trí tiền sử dụng đất	Điều chỉnh giảm tiền sử dụng đất năm 2022	Bổ sung kế hoạch vốn			Kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
				Tổng cộng	Trong đó: NSTP				Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
										Tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn kết đư tiền sử dụng đất		Tiền sử dụng đất năm 2022	Nguồn kết đư tiền sử dụng đất	
4	Quy hoạch chi tiết khu đất tại đường Lý Tự Trọng, phường Tân An (đối diện siêu thị Co.op Mart), thành phố Buôn Ma Thuột	P. Tân An	Ban QLDA ĐTXD	530	530	530			150		150	150	-	150	
5	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và xây dựng cơ sở hạ tầng Khu đô thị sinh thái, thương mại, phường Tân Lập, Tp Buôn Ma Thuột	P. Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD	2.500	2.500	2.500			700		700	700	-	700	
6	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và xây dựng cơ sở hạ tầng Khu dân cư Thôn 4, xã Ea Tu, TP.BMT	Xã Ea Tu	UBND xã Ea Tu	670	670	670			200		200	200	-	200	
7	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư tại TDP7, TDP 14, phường Khánh Xuân	Phường Khánh Xuân	UBN phường Khánh Xuân	1.440	1.440	1.440			430		430	430	-	430	
8	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư, xã Hòa Phú (Trạm nghiên sàng)	Xã Hòa Phú	UBND xã Hòa Phú	1.000	1.000	1.000			350		350	350	-	350	
9	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư tại thôn 12, xã Hòa Phú	Xã Hòa Phú	UBND xã Hòa Phú	2.170	2.170	2.170			760		760	760	-	760	
10	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư xã Hòa Xuân	Xã Hòa Xuân	UBND xã Hòa Xuân	3.260	3.260	3.260			1.140		1.140	1.140	-	1.140	
11	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư tại thôn 1, xã Ea Kao	Xã Ea Kao	UBND xã Ea Kao	460	460	460			160		160	160	-	160	

PHỤ BIỂU C:
TỔNG NGUỒN VỐN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 - SAU KHI BỔ SUNG
 (Kèm theo Nghị quyết số **46** /NQ-HĐND ngày **20** /7/2022 của HĐND thành phố Buôn Ma Thuột)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung nguồn vốn và phân bổ	Số vốn phân bổ đầu tư công năm 2022 theo NQ HĐND				Vốn bổ sung 2022 theo hình thức chuyển nguồn và bổ sung NS tính	Tổng vốn phân bổ năm 2022 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
		Dự toán đầu năm	Bổ sung kỳ họp chuyên đề	Dự toán điều chỉnh bổ sung tại kỳ họp thứ Tư	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung tại kỳ họp thứ Tư			
1	2	3	4	5	6=3+4+5	7	8=6+7	9
	Tổng cộng	818.460	50.534	93.571	962.565	61.686	1.024.251	
I	Ngân sách tỉnh bổ sung	3.500			3.500		3.500	
II	Tiền sử dụng đất	814.960	50.534	93.571	959.065	61.686	1.020.751	
1	Bố trí cho các dự án, công trình...; trong đó:	764.400	50.534	91.504	906.438	61.686	968.124	
-	Bố trí vốn cho các dự án, nội dung đã hoàn thành và chuyển tiếp sang năm 2022	141.350	38.605	26.904	206.859	53.556	260.415	
-	Kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm	231.150	-	-	231.150		231.150	
-	Vốn dành cho các dự án trọng điểm, cải tạo dòng suối và các dự án cần quan tâm mở mới giai đoạn 2021-2025	192.700	-	-	192.700		192.700	
-	Dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư, dự kiến khởi công mới năm 2022 do phường, xã và các đơn vị đề xuất	196.300	11.929	59.650	267.879	8.130	276.009	
-	Lĩnh vực quy hoạch	2.900	-	4.950	7.850		7.850	
2	Dự phòng, gồm:	50.560	-	2.067	52.627		52.627	
-	Dự phòng Kế hoạch đầu tư năm 2022	39.460		4.917	44.377		44.377	
-	Dự phòng để bổ sung kế hoạch đối với một số dự án, công trình cần thiết khi bảo đảm điều kiện đầu tư	8.250		-	8.250		8.250	
-	Dự phòng dự kiến phân bổ chi tiết các nội dung quy hoạch khi được phê duyệt nhiệm vụ	2.850		(2.850)	-			

Ghi chú: Cột số 7 gồm vốn tỉnh bổ sung 05 dự án NTM theo cơ chế thông thường là 5.060 triệu đồng và vốn NSTP năm 2021 kéo dài sang năm 2022 là 56.626 triệu đồng

